

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ QUỐC PHÒNG SỐ 80/2006/QĐ-BQP NGÀY 9 THÁNG 5 NĂM 2006
VỀ VIỆC CÔNG BỐ DANH MỤC HÀNG CẤM XUẤT KHẨU, CẤM NHẬP KHẨU THEO QUY ĐỊNH
TẠI NGHỊ ĐỊNH 12/2006/NĐ-CP NGÀY 23 THÁNG 11 NĂM 2006 CỦA CHÍNH PHỦ

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996, đã được sửa đổi bổ sung một số điều ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 30/2004/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Trên cơ sở danh mục hàng hóa là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị kỹ thuật quân sự trong biểu thuế xuất nhập khẩu hiện hành do Bộ Tài chính ban hành;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Quốc phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Công bố danh mục vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị kỹ thuật quân sự cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu theo quy định tại Nghị định ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ (có danh mục kèm theo).

2. Việc xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị kỹ thuật quân sự thuộc danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cấp phép cho các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân thực hiện việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục trên để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu

DANH MỤC HÀNG HÓA CẤM XUẤT KHẨU, CẤM NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/2006/QĐ-BQP ngày 09 tháng 5 năm 2006)

Chương	Nhóm	Phân nhóm		Mô tả hàng hóa
Chương 36				Vật liệu nổ (trừ vật liệu nổ công nghiệp)
	3601	00	00	Bột nổ đẩy
	3602	00	00	Thuốc nổ đã điều chế, trừ bột nổ đẩy
	3603	00	00	Ngòi an toàn; ngòi nổ; nự xòe hoặc kíp nổ; bộ nhận đánh lửa; kíp nổ điện
Chương 87	8710	00	00	Xe tăng và các loại xe chiến đấu bọc thép khác, loại cơ giới, có hoặc không lắp kèm vũ khí và bộ phận của các loại xe này
Chương 88	8802			phương tiện bay (chỉ kể các loại có gắn trang thiết bị - vũ khí để chiến đấu)
Chương 89	8906	10	00	Tàu chiến
Chương 93	9301			Vũ khí quân sự (không kể các loại vũ khí đã xác định tại nhóm 8710.00.00 và nhóm 9302.00.00)
	9302	00	00	Súng lục ổ quay và súng lục
	9305	10	00	Bộ phận và đồ phụ trợ cho các loại vũ khí thuộc nhóm 9302.00.00
	9305	91	00	Bộ phận và đồ phụ trợ cho các loại vũ khí thuộc nhóm 9301
	9306			Bom, lựu đạn, ngư lôi, mìn, tên lửa và các loại đạn được tương tự và bộ phận của chúng; đạn cartridge (cát tút) và các loại đạn khác, đầu đạn và các bộ phận của chúng, kể cả nùi đạn gém và nùi đạn cartridge
Chưa có mã HS				Quân trang, quân phục (đang được sử dụng cho các lực lượng vũ trang)

* Tùy theo tình hình cụ thể, từng giai đoạn, Bộ Quốc phòng tiếp tục có điều chỉnh, bổ sung danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu cho phù hợp./.